

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 29/2017/DS-ST

Ngày 07/7/2017

V/v: “*Tranh chấp liên quan đến
yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Hoài Dinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đào;

2. Ông Đỗ Trường Tam.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Xuân Sơn, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Hoàng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2016/TLST-DS ngày 10/11/2016 về việc: “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-DS ngày 11/5/2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.*

2. *Bị đơn: Phòng công chứng C;*

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hùng N, sinh năm 1966; chức vụ: Trưởng phòng; địa chỉ cư trú: khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Ngân hàng N.

Địa chỉ: đường T, khu đô thị mới M, huyện T, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức M – Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện G, Tây Ninh; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1965,

chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch khu vực P; địa chỉ cư trú: khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị H, mỗi người có nghĩa vụ phải trả cho ông số tiền 83.605.000 đồng theo quyết định tại bản án phúc thẩm số 27/2016/HNGĐ-PT ngày 18/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Anh H đã trả cho ông xong số tiền 83.605.000 đồng. Chị H chưa trả tiền cho ông vì không có tài sản để thi hành án. Khi Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu đang giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn của chị H và anh H, thì vào ngày 05/01/2016 chị H và anh H đã đến Phòng công chứng C để lập “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng”, văn bản này có nội dung: Chị H đồng ý giao các tài sản chung cho anh H được quyền sử dụng, định đoạt gồm: Phần đất có diện tích 241,2 m², loại đất ONT, thuộc thửa 466, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, trên đất có 01 căn nhà cấp 4A diện tích 134, 32 m² và phần đất có diện tích 132,2 m², loại đất ONT, thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại ấp D, xã B, huyện G. Đồng thời anh H phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay tại Ngân hàng N– Phòng giao dịch P theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0001/2016/HĐTC ngày 05/01/2016. Ngày 18/8/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án tranh chấp ly hôn, ngày 24/8/2016 anh H thực hiện việc đăng ký biến động đất đai theo văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng đã lập ngày 05/01/2016. Do đó chị H không còn tài sản nào để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Nay ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” của anh H và chị H, công chứng số 08, quyền số 01 TP/CC-SCC/TSVC ngày 05/01/2016 tại Phòng công chứng C vô hiệu. Vì việc thỏa thuận chia tài sản chung này là giả tạo, nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của chị H đối với ông.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 11 năm 2016, biên bản ghi lời khai ngày 25/11/2016, đại diện theo pháp luật của bị đơn là Phòng công chứng C - ông Trần Hùng N trình bày:

Ông khẳng định việc công chứng “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng”, công chứng số 08, quyền số 01 TP/CC-SCC/TSVC ngày 05/01/2016 tại Phòng công chứng C của chị H và anh H đảm bảo trình tự thủ tục theo pháp luật về công chứng. Anh H và chị H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ký tên vào văn bản thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện trước mặt công chứng viên. Nếu Tòa án thấy có căn cứ để tuyên bố “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” này vô hiệu thì cứ tuyên vô hiệu, Phòng công chứng C không có lỗi trong vấn đề này. Bởi lẽ tại Khoản 3 Điều 3 của Văn bản thỏa thuận, các bên có cam đoan: “Việc thỏa thuận phân chia tài sản chung nêu trên không nhằm trốn tránh bất kỳ

nghĩa vụ tài sản nào của chúng tôi. Thỏa thuận này sẽ bị vô hiệu nếu có cơ sở xác định việc phân chia tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản”.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H trình bày:

Việc chị ký tên vào “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” với anh H ngày 05/01/2016, tại Phòng công chứng C là tự nguyện. Hiện nay chị không còn tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H. Nhưng trước yêu cầu của ông H, chị không đồng ý để Tòa án tuyên bố “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” giữa chị và anh H vô hiệu.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2016 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N- ông Lê Văn T trình bày:

Ngày 05/9/2016 Ngân hàng N- Phòng giao dịch P có cho hộ ông Nguyễn Văn H vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn cuối cùng trả nợ là ngày 05/9/2017. Khi vay ông H có thế chấp 01 phần đất diện tích 241,2 m², loại đất ONT, thuộc thửa 466, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, trên đất có 01 căn nhà cấp 4A diện tích 134,32 m² và phần đất có diện tích 132,2 m², loại đất ONT, thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại D, xã B, huyện G. Nay Ngân hàng không có ý kiến gì trong vụ án này, cũng không khởi kiện anh H yêu cầu phải trả số tiền 500.000.000 đồng mà anh H đã thế chấp tài sản để vay. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện anh H bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp bản tự khai nên không thể hiện được yêu cầu, nguyện vọng của anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa. Riêng anh H chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tuyên bố “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” giữa anh H và chị H, công chứng số 08, quyển số 01 TP/CC-SCC/TSVC ngày 05/01/2016 tại Phòng công chứng C vô hiệu; Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông N, anh H, chị H và ông T tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” giữa anh H và chị H, công chứng số 08, quyển số 01 TP/CC-SCC/TSVC ngày 05/01/2016 tại Phòng công chứng C. Thấy rằng, ngày 04/01/2016 Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị H và anh H. Ngày 05/01/2016 Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông H về việc đòi nợ vợ chồng anh H trong vụ án hôn nhân. Ngày 18/8/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án tranh chấp ly hôn giữa vợ chồng anh H và chị H, trong bản án phúc thẩm này có tuyên buộc anh H và chị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông H 83.605.000 đồng. Ngày 24/8/2016 anh H đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh G làm thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo nội dung như “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” ngày 05/01/2016. Như vậy là sau khi anh H, chị H biết rõ mỗi người có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông H số tiền 83.605.000 đồng, nhưng vẫn tiến hành thủ tục đăng ký biến động đất đai với mục đích nhằm để chị H trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ông H. Theo quy định tại Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì giao dịch này vô hiệu.

[3] Phòng công chứng C không có lỗi trong việc công chứng “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” giữa anh H và chị H ngày 05/01/2016. Vì Phòng công chứng không thể biết được rằng anh H và chị H thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng là nhằm để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ với ông H. Mặc khác, tại Khoản 3 Điều 3 của Văn bản thỏa thuận, các bên có cam đoan: “Việc thỏa thuận phân chia tài sản chung nêu trên không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ tài sản nào của chúng tôi. Thỏa thuận này sẽ bị vô hiệu nếu có cơ sở xác định việc phân chia tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản”.

[4] Ngân hàng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” giữa anh H và chị H ngày 05/01/2016 vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tuyên bố “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” giữa anh H và chị H, công chứng số 08, quyển số 01 TP/CC-SCC/TSVC ngày 05/01/2016 tại Phòng công chứng C vô hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 của Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nếu toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 129, 137 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2, Điều 27 của Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H đối với Phòng công chứng C về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Tuyên bố: Văn bản công chứng là “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn H, công chứng số 08, quyền số 01 TP/CC-SCC/TSVC ngày 05/01/2016 tại Phòng công chứng C vô hiệu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Phòng công chứng C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

+ Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quốc H số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011494 ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND. H Gò Dầu;
- Chi Cục THADS. H Gò Dầu;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Hoài Đình